

UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG MẦM NON MỸ ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: M/QĐ-MN

Mỹ Đức, ngày 18 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách học sinh được hưởng hỗ trợ ăn trưa, miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON MỸ ĐỨC

Căn cứ Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ giấy chứng nhận học sinh thuộc hộ cận nghèo của UBND xã Mỹ Đức;

Xét đơn đề nghị của cha mẹ học sinh và bộ phận tài chính của nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh hưởng hỗ trợ tiền ăn trưa và miễn giảm học phí cho học sinh 5 tuổi học kỳ II năm học 2024 - 2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các đơn vị liên quan, bộ phận tài chính nhà trường và các cá nhân có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Hương

Mỹ Đức, ngày 10 tháng 3 năm 2025

BIÊN BẢN

Xét duyệt miễn học phí cho HS 5T theo ND 81/2021/ND-CP và HS thuộc đối tượng chính sách, gia đình có hoàn cảnh khó khăn học kỳ II năm học 2024-2025

I. Thời gian: 8 giờ 30 phút ngày 10 tháng 3 năm 2025

II. Địa điểm: Văn phòng trường Mầm non Mỹ Đức

III. Thành phần:

1. Bà: Nguyễn Thị Hương - Hiệu trưởng - CT Hội đồng
2. Bà: Nguyễn Thị Kim Chi – P. Hiệu trưởng
3. Bà: Lý Thanh Minh – P. Hiệu trưởng
4. Bà: Vũ Thị Thương - Chủ tịch công đoàn
5. Bà: Nguyễn Thùy Dung - Tổ trưởng chuyên môn 5 tuổi
6. Bà: Nguyễn Thị Huyền - Tổ trưởng chuyên môn 4 tuổi
7. Bà: Nguyễn Thị Nhung - Tổ trưởng chuyên môn 3 tuổi
8. Bà: Vũ Thị Thu Giang - Tổ trưởng tổ nhà trẻ
9. Bà: Bùi Thị Mai - Bí thư đoàn thanh niên
10. Bà: Đỗ Thị Huyền - Trưởng ban TTND
11. Bà: Nguyễn Thị Thắm - Kế toán – Thư ký

IV. Nội dung:

- Căn cứ nghị định số 105/2020/ND-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

- Căn cứ nghị định số 81/2021/ND-CP ngày 27 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Nghị định 57/2017/ND-CP quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người

- Căn cứ vào hồ sơ của học sinh nhà trường học kỳ II năm học 2024-2025;
- Nhà trường có những cháu thuộc diện chính sách và có hoàn cảnh gia đình khó khăn là:

TT	Họ và tên	Lớp	Đối tượng
1	Nguyễn Thị Bảo Châm	5A6	Hộ cận nghèo
2	Trịnh Tiến Đạt	5A6	Hộ cận nghèo

- Căn cứ vào hồ sơ của học sinh 5 tuổi của trường gồm 188 cháu (*Có danh sách kèm theo*).
- Căn cứ vào điều kiện thực tế nhà trường đề nghị:

1. Đối với 02 học sinh thuộc hộ cận nghèo:

Đề nghị các cấp có thẩm quyền hỗ trợ tiền ăn trưa và hỗ trợ học phí (Theo đúng nghị định 105/2020/NĐ-CP và NĐ 81/2021/NĐ-CP)

- Nhà trường: Không thực hiện huy động vận động tài trợ và kinh phí hoạt động hội

2. Đối với HS khối 5 tuổi đề nghị các có thẩm miễn giảm học phí (Theo đúng nghị định 105/2020/NĐ-CP và NĐ 81/2021/NĐ-CP)

V. Ý kiến:

1. Đ/c Lý Thanh Minh - Phó Hiệu trưởng đồng ý với danh sách học sinh và những nội dung miễn giảm trên.

Các đ/c có mặt trong cuộc họp đều nhất trí với nội dung trên.

Biên bản được thông qua trước toàn thể các thành viên và 100% các đ/c có mặt nhất trí và kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút cùng ngày ./.

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG



THƯ KÝ

Nguyễn Thị Thắm

**TỔNG HỢP NHU CẦU HỖ TRỢ HỌC PHÍ THEO NGHỊ QUYẾT 54/2019/NQ-HĐND
ĐỢT I NĂM 2025 (HỌC KÌ II NĂM HỌC 2024 - 2025)**

Đơn vị tính : nghìn đồng

STT	Đơn vị	Số học sinh						Mức hỗ trợ HP						Nhu cầu kinh phí từ tháng 01-05 năm 2025										Kinh phí đã được giảm học phí ở chính sách khác (NDB1)	Nhu cầu kinh phí còn lại	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó			Số tháng hỗ trợ	Tổng số	Trong đó			THPT	THCS	Mẫu giáo	Nhà trẻ												
			THPT	THCS	Mẫu giáo			Nhà trẻ	THPT	THCS					Mẫu giáo	Nhà trẻ										
a	b	$l=2+3+4+5$	2	3	4	5	6	7	8	9	10	$l1=12+13+14+15$	$l2=2x6x10$	$l3=3x7x10$	$l4=4x8x10$	$l5=5x9x19$	16	$l7=11-16$	18							
11	Mỹ Đức	560	-	-	486	74	-	-				240,590	-	-	206,550	34,040	79,900	160,690								
		560			486	74			85	92	5	240,590			206,550	34,040		240,590								

Mỹ Đức, ngày 16 tháng 3 năm 2025
 HIEU TRUONG
 TRƯỞNG
 MẦM NON
 MỸ ĐỨC
 NGUYỄN THỊ HUONG

UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG MẦM NON MỸ ĐỨC

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH 81/2021/NĐ-CP NĂM 2023
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025

Đơn vị: nghìn đồng

Kính phí hỗ trợ thực tế																				
Stt	Họ và tên	Mức học phí	Số thẻ ng cấp bù	Miễn								Giảm 70%				Giảm 50%				Tổng kinh phí
				Người có công, thân nhân người có công với cách mạng	Trẻ em MG, học sinh tàn tật, khuyết tật	Trẻ em MG, học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng (Khoản 1- Điều 5 Nghị định 20/2021/N D-CP)	Trẻ em mẫu giáo, học sinh có cha hoặc mẹ, hoặc cả cha hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo	Con hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ theo quy định tại Khoản 2- Điều 6 Nghị định 27/2016/N D-CP)	Tổng cộng	Thành tiền	Mức giảm học phí (70%)	Trẻ em mẫu giáo, học sinh là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III và miền núi, xã vùng dân tộc đặc biệt khó khăn vùng ven biển hai đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	Thành tiền	Mức giảm học phí (50%)	Cha mẹ là cán bộ, công nhân, viên chức bị tại nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp cấp thường xuyên	Trẻ em mẫu giáo, học sinh có cha hoặc mẹ, hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ cận nghèo	Tổng cộng	Thành tiền		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
1	Nguyễn Thị Bảo Châm	85	5						0	0						1	1	213	213	
2	Trịnh Tiến Đạt	85	5						0	0						1	1	213	213	
TỔNG CỘNG			10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	425	425	

Bảng chữ: Bón trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP BIỂU

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ MỸ ĐỨC

Mỹ Đức, ngày 08 tháng 3 năm 2025


Nguyễn Thị Thắm


PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Quang


HIỆN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Hương

UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG MẦM NON MỸ ĐỨC

TỔNG HỢP NHU CẦU HỖ TRỢ TIỀN ẪN TRƯA CHO TRẺ 3, 4, 5 TUỔI NĂM 2023 (KỲ II - NĂM HỌC 2024-2025)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Họ và tên	Xã hải đảo và khó khăn			Mô côi cha, mẹ; không nơi nương tựa; tàn tật khó khăn về kinh tế			Cha mẹ thuộc diện hộ nghèo			Cha mẹ thuộc diện hộ cận nghèo			Con liệt sĩ, con anh hùng LLVTND, con thương binh			Tổng số đối tượng			Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng hỗ trợ	Thành tiền	Ghi chú							
		Cộng	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Cộng	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Cộng	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Cộng	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi													
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13=14+15+16	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21=22+23+24	22	23	24	25	26	27=21*25*26	28	
1	Nguyễn Thị Bảo Châm									1			1								1						160	5	800	
2	Trịnh Tiến Đạt									1			1								1						160	5	800	
	Tổng cộng					0	0			2	0	0	2	0	0						2						160		1 600	

Bảng chữ: Một triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn./

An Lão, ngày 18 tháng 3 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ MỸ ĐỨC

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thắm

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hương

